

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2023

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Tổng;

Bà Đinh Thị Bích Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham
gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày
17 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1969; cư trú tại: khu phố B, thị
trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970; cư trú tại: khu phố B, thị trấn
L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình xét xử,
nguyên đơn ông Nguyễn Đức M trình bày:

Về hôn nhân: ông M và bà Nguyễn Thị Kim L chung sống với nhau năm
1994, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 01 năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã L,
huyện B (nay là thị trấn L, huyện B), tỉnh Bình Dương; hôn nhân tự nguyện. Ông
bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên
nhân do bà L sử dụng tiền trong gia đình không rõ ràng, minh bạch. Mâu thuẫn kéo

dài đến năm 2018 thì ông bà ly thân nhưng vẫn ở chung nhà. Ông M có hỏi bà L chuyện tiền bạc, bà L nói bà L cho vay nhưng người vay không trả. Đến cuối năm 2022, đầu năm 2023 bà L bị những người chủ nợ kiện tại Tòa. Ông M và con trai phải giải quyết tài sản để bà L trả nợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông M không cho bà L vào nhà, không muốn tiếp tục chung sống với bà L nên ông M yêu cầu ly hôn bà L.

Về nuôi con chung: ông bà có một con chung tên Nguyễn Đức Hòa K, sinh năm 1995, đã thành niên nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: ông M không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 02 tháng 6 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông M chung sống với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 01 năm 1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau thường xuyên. Ông M không cho bà L ở trong nhà, bà L phải đi ở trọ bên ngoài. Nay ông M yêu cầu ly hôn, bà L đồng ý.

Về nuôi con chung: vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Đức Hòa K, sinh năm 1995 đã thành niên nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: bà L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn ông M:

Về hôn nhân: hôn nhân của ông M và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Ông M khai, ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân bà L sử dụng tiền trong gia đình không rõ ràng, minh bạch; bà L nói bà L cho vay nhưng người vay không trả. Đến cuối năm 2022, đầu năm 2023, bà L bị những người chủ nợ kiện, ông M phải giải quyết tài sản để trả nợ

cho bà L. Vì vậy, ông M không cho bà L vào nhà, vợ chồng không sống chung từ đó đến nay.

Bà L khai, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên cãi nhau thường xuyên. Ông M không cho bà L ở trong nhà, bà L phải đi ở trọ bên ngoài.

Xét thấy, ông M và bà L là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, không sống chung với nhau là đã không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông M không muốn tiếp tục chung sống với bà L nên khởi kiện yêu cầu ly hôn bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 02 tháng 6 năm 2023, bà L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông M.

Xét hôn nhân của ông M và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M, quyết định cho ông M và bà L ly hôn.

Về nuôi con chung: ông M và bà L có một con chung tên Nguyễn Đức Hòa K, sinh năm 1995, đã thành niên nên ông M và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: ông M và bà L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức M đối với bà Nguyễn Thị Kim L về việc tranh chấp về ly hôn.

Về hôn nhân: cho ông Nguyễn Đức M ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L.

Về nuôi con chung: ông Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị Kim L có một con chung tên Nguyễn Đức Hòa K, sinh năm 1995, đã thành niên nên ông Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản và nợ chung: ông Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị Kim L không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: ông Nguyễn Đức M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Đức M đã nộp theo biên lai số AA/2021/0010233 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Đức M đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn L, huyện B;
- (Chứng nhận kết hôn số 17, quyền số 01/95,
đăng ký ngày 03 tháng 01 năm 1995);
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên